

Bản án số: 08/2017/KDTM-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huê.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Ty.

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D; địa chỉ: Số 105 Trần Hưng Đ, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Đình D1, sinh năm 1980; cư trú tại số 30/47 Nguyễn Công Tr, quận L, thành phố Hải Phòng; Chức vụ: Phó phụ trách Phòng Giao dịch L, Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D - Chi nhánh Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền số 13a/2017/UQ-GĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ: Thôn H1, xã H2, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980; cư trú tại thôn H1, xã H2, huyện A, thành phố Hải Phòng; Chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Bá Th, sinh năm 1974 và bà Bùi Thị Y, sinh năm 1981; đều cư trú tại thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng và đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D (gọi tắt là Ngân hàng) do ông Lê Đình D1 là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 27 tháng 6 năm 2011, Ngân hàng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0179/2011/HĐTD/GPB-HP. Theo nội dung hợp đồng Ngân hàng cho Công ty T vay số tiền 1.150.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh gỗ các loại của Công ty T. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay 12 tháng, từ ngày 27 tháng 6 năm 2011 đến ngày 27 tháng 6 năm 2012 theo từng khế ước không quá 06 tháng, lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi hàng tháng, bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ biên độ theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn của khoản vay được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn. Lãi suất phạt bằng 150% lãi suất vay trong hạn của khoản vay được xác định tại thời điểm chậm trả. Thời hạn trả nợ gốc trả linh hoạt, trả lãi hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng diện tích 157,5m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 261A, tờ bản đồ 17 tại thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng đứng tên ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y là chủ sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201921, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00439 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29 tháng 10 năm 2009. Việc thế chấp đã được lập Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0181/2011/HĐTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là Ngân hàng, Công ty T và ông Th, bà Y, hợp đồng đã được công chứng, chứng thực tại Phòng công chứng số 03, thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng diện tích 360m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 326, tờ bản đồ 18, thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng đứng tên ông Trương Văn L2 và bà Phạm Thị Thanh C1 là chủ sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 299065, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00061 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29 tháng 10 năm 2010. Việc thế chấp đã được lập Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0182/2011/HĐTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là Ngân hàng, Công ty T và ông L2, bà C1, hợp đồng đã được công chứng, chứng thực tại Phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng diện tích 122m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 98A, tờ bản đồ 11 tại thôn H1, xã H2, huyện A, thành phố Hải Phòng đứng tên ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T1 là chủ sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 210584, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00367 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 8 năm 2009. Việc thế chấp đã được lập Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0183/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là Ngân hàng, Công ty T và ông T2, bà T1, hợp đồng đã được công chứng, chứng thực tại Phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T vay số tiền 1.150.000.000 đồng (theo Khế ước nhận nợ số 0179.01/2011/KUNN/GPB-HP ngày 01 tháng 7 năm 2011) với nội dung: Số tiền vay: 1.150.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011; lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 01 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 22,5%, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ. Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi dẫn đến nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty T mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi như sau:

- Ngày 14 tháng 02 năm 2012, trả nợ gốc: 105.239.271 đồng;
- Ngày 27 tháng 12 năm 2012, trả nợ gốc: 300.000.000 đồng (ông L2 và bà C1 trả thay);
- Ngày 29 tháng 01 năm 2013, trả nợ gốc: 500.000.000 đồng (ông L2 và bà C1 trả thay);
- Ngày 21 tháng 01 năm 2016, trả nợ gốc: 189.346.000 đồng (thu do bán đấu giá tài sản của ông T2, bà T1).
- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, trả lãi: 159.560.622 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi đã trả: 1.254.145.893 đồng.

Do Công ty T đã trả được số nợ gốc 1.094.585.271 đồng nên Ngân hàng đã làm thủ tục giải chấp tài sản cho ông Trương Văn L2 và bà Phạm Thị Thanh C1 đối với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0182/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011. Đối với tài sản thế chấp của ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 0183/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011 đã được bán đấu giá để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2017, Công ty T còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 55.414.729 đồng
- Lãi trong hạn: 408.527.352 đồng

- Lãi quá hạn: 204.263.676 đồng

Tổng cộng: 668.205.757 đồng

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2017 là: 668.205.757 đồng và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức và khế ước nhận nợ tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 cho đến khi Công ty T thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Nếu Công ty T không trả hoặc không trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 157,5m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 261A, tờ bản đồ 17 tại thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng đứng tên ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y là chủ sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201921, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00439 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29 tháng 10 năm 2009 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Nguyễn Bá Th, bà Bùi Thị Y, nếu thiếu Công ty T phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Về việc Người đại diện theo pháp luật của Công ty T có quan điểm đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản tiền nợ lãi cho Công ty T, Ngân hàng không chấp nhận.

Đối với các tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trương Văn L2 và bà Phạm Thị Thanh C1, ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T1, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, Bị đơn Công ty T do bà Nguyễn Thị T1 là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty T có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0179/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011, các hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba, tài sản bảo đảm, dư nợ gốc theo như Ngân hàng trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty T đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 1.094.585.271 đồng và số tiền nợ lãi 159.560.622 đồng theo như Ngân hàng đã trình bày. Nay Công ty T xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2017 là: 668.205.757 đồng. Công ty T sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 55.414.729 đồng. Đối với số tiền nợ lãi do Công ty T đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản tiền lãi cho Công ty.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng bà Nguyễn Thị T1 cho ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y vay là tiền riêng của bà T1, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 7 năm 2017, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y thống nhất trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị T1 là Giám đốc Công ty T nên ông, bà có cho bà Nguyễn Thị T1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 261A tờ bản đồ số 17, diện tích 157,5m² đất để Công ty T thế chấp vay tiền của Ngân hàng. Khi ông, bà cho bà T1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Bà Nguyễn Thị T1 cho ông, bà vay 100.000.000 đồng với điều kiện ông, bà phải tham gia ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và ông, bà đã tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0181/2011/HĐTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011. Theo nội dung của hợp đồng thế chấp, ông, bà đã dùng tài sản thuộc sở hữu và sử dụng của ông, bà (như nguyên đơn đã trình bày) để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, phí và các chi phí khác liên quan nếu có) của hợp đồng tín dụng của Công ty T đã ký với Ngân hàng. Chữ ký và chữ viết Nguyễn Bá Th và Bùi Thị Y trong hợp đồng thế chấp tài sản, trong đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do đại diện nguyên đơn xuất trình với Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết của ông, bà. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A.

Nay Ngân hàng khởi kiện đối với Công ty T, yêu cầu Công ty T phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0179/2011/HĐTD/GPB-HP. Trường hợp Công ty T không trả được nợ, ông, bà không đồng ý yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản là quyền sử dụng 157, 5m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 261A, tờ bản đồ 17 tại thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng của ông, bà.

Ông, bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền ông, bà đã vay của bà T1 là 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Y đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá Th đã không tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án, ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1, Điều 30; Điều 147; Điều b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 342, 343, 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Khoản 14, Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Điều 6; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty T.

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 668.205.757 đồng, trong đó nợ gốc là 55.414.729 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2017 là 612.791.028 đồng. Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 157, 5m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 261A, tờ bản đồ 17 thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y, nếu thiếu Công ty T phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Công ty T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y vắng mặt tại phiên tòa; bà T1 và bà Y có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, ông Th, bà Y.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Đây là vụ án Kinh doanh thương mại: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” nên theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0179/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng và Công ty T đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho Công ty T vay số tiền 1.150.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 0179.01/2011/KUNN/GPB-HP ngày 01 tháng 7 năm 2011. Công ty T đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án theo Điều 4 của hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức và phần II, mục 7 phần VIII và phần X các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc:

Căn cứ lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã xác định số tiền nợ gốc Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T là 1.150.000.000 đồng. Công ty T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.094.585.271 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc Công ty T còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 55.414.729 đồng và lãi phát sinh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc Công ty T phải trả khoản tiền nợ gốc 55.414.729 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Tại nội dung của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức và Khế ước nhận nợ, thì ngày 14 hàng tháng Công ty T phải trả số tiền lãi, lãi suất trong hạn được tính quy định trong khế ước nhận nợ cụ thể, được điều chỉnh trong thời gian vay thực tế của bên vay. Trường hợp bên vay không trả nợ đúng hạn, lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn và lãi quá hạn nên yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty T phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ.

Tính đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2017, Công ty T còn nợ Ngân hàng số nợ gốc 55.414.729 đồng và số lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng là 612.791.028 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi Công ty T phải trả cho Ngân hàng là 668.205.757 đồng theo như yêu cầu của đại diện nguyên đơn đưa ra.

Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2017, Công ty T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0179/2011/HĐTD/GPB-HP cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty T vay vốn của Ngân hàng không giới hạn ở nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác phát sinh tại hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức và khế ước nhận nợ, ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y, ông Trương Văn L2 và bà Phạm Thị Thanh C1, ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T1 đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba đối với Ngân hàng và Công ty T như sau:

+/ Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0181/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011. Theo nội dung hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba, ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 157,5m² đất ở và toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất tại thửa đất số 261A, tờ bản đồ 17 thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201921, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00439 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29 tháng 10 năm 2009 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y.

+/ Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0182/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011. Theo nội dung hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba, ông Trương Văn L2 và bà Phạm Thị Thanh C1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở và toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất tại thửa đất số 326, tờ bản đồ 18 thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 299065, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00061 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29 tháng 10 năm 2010 cho chủ sử dụng là ông Trương Văn L2 và bà Phạm Thị Thanh C1.

+/ Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0183/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011. Theo nội dung hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba, ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 122m² đất ở và toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất tại thửa đất số 98A, tờ bản đồ 11 thôn H1, xã H2, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 210584, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00367 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 8 năm 2009 cho chủ sử dụng là ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T1.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì tài sản bảo đảm thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y hiện do ông Th, bà Y sử dụng.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0181/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011 được thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ năng lực, thẩm quyền, được chứng nhận bởi cơ quan công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do vậy, hợp đồng thế chấp là hợp pháp, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo nội dung của các hợp đồng thế chấp quy định: *...tài sản thế chấp được xử lý khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh...mà bên B (bên vay vốn) hoặc bên C (bên thế chấp) không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ bên A (bên nhận thế chấp)...* Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức, và khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng. Do vậy, yêu cầu về việc đề nghị Tòa án phát mại tài sản thế chấp hiện do ông Thọ, bà Yến quản lý sử dụng nêu trên của Ngân hàng đưa ra là có căn cứ.

Số tiền phát mại các tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp Ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y, nếu thiếu Công ty T phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y đã tự nguyện tham gia ký kết hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0181/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011, đã tự nguyện dùng tài sản của mình để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty T theo hợp đồng tín dụng Công ty T đã ký với Ngân hàng, nên quan điểm của ông Th và bà Y về việc không đồng ý việc Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông, bà khi Công ty T không trả được nợ là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0182/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011 và số: 0183/2011/HDTC/GPB-HP ngày 27 tháng 6 năm 2011, trong quá trình thực hiện hợp đồng, những người có tài sản bảo đảm là ông Trương Văn L2 và bà Phạm Thị Thanh C1 đã trả nợ thay cho Công ty T nên Ngân hàng đã làm thủ tục giải chấp tài sản cho ông L2 và bà C1; ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T1 đã tự nguyện giao tài sản bán đấu giá để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng không yêu cầu xử lý đối với các tài sản này nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Số tiền ông Trương Văn L2, bà Phạm Thị Thanh C1 đã trả nợ thay cho Công ty T, ông Lê Văn T2 và bà Nguyễn Thị T1 đã bán đấu giá tài sản để trả nợ thay cho Công ty T, nếu có tranh chấp và có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng bà Nguyễn Thị T1 cho ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y vay không liên quan đến vụ án này, nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp và có yêu cầu Tòa sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về án phí:

Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 30; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các điều 342, 343, 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ vào Khoản 14, Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ vào Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ vào Điều 6; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền 668.205.757 đồng (sáu trăm sáu mươi tám triệu hai trăm linh lăm nghìn bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 55.414.729 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2017 là 612.791.028 đồng.

Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0179/2011/HĐTD/GPB-HP cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D thì phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T đối với Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D, gồm:

Quyền sử dụng 157,5m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 261A, tờ bản đồ 17 thôn D2, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201921, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00439 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29 tháng 10 năm 2009 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Nguyễn Bá Th và bà Bùi Thị Y, nếu thiếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại T phải chịu 30.728.228 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D 15.171.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai số 4215 ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế

